

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 7 năm 2020

ĐIỂM THI

PHẦN V.2: NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 47B, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Vi Thị Ngọc Châm	1	32	7.5	Bảy rưỡi	
2	Lê Thị Chi	2	72	7.0	Bảy	
3	Hoàng Văn Chung	3	34	7.0	Bảy	
4	Nguyễn Mạnh Cường	4	19	7.0	Bảy	
5	Trịnh Đức Cường	5	70	7.0	Bảy	
6	Đào Thị Dân	6	06	7.0	Bảy	
7	Phạm Mạnh Dũng	7	63	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Việt Dũng	8	18	7.5	Bảy rưỡi	
9	Đỗ Văn Dũng	9	46	7.5	Bảy rưỡi	
10	Nguyễn Tiến Dũng	10	41	7.5	Bảy rưỡi	
11	Đặng Triệu Dũng	11	61	8.0	Tám	
12	Đào Ngọc Dương	12	35	7.0	Bảy	
13	Chu Thị Đỗ	13	28	7.5	Bảy rưỡi	
14	Lê Hồng Hạnh Giang	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
15	Nguyễn Sơn Hà	14	39	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Thu Hà	15	36	7.0	Bảy	
17	La Thị Việt Hà	16	60	7.5	Bảy rưỡi	
18	Nguyễn Việt Hải	17	59	7.5	Bảy rưỡi	
19	Phạm Bích Hạnh	18	05	8.0	Tám	
20	Đặng Thị Thúy Hằng	19	11	7.5	Bảy rưỡi	
21	Nguyễn Thu Hằng	20	47	7.5	Bảy rưỡi	
22	Nguyễn Mạnh Hiền	21	04	7.5	Bảy rưỡi	
23	Vũ Thị Thiệu Hoa	22	69	7.5	Bảy rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
24	Nguyễn Thị Thanh Hoa	-	-	-	-	Chuyển K48
25	Nguyễn Ngọc Hưng	23	58	7.0	Bảy	
26	Nguyễn Văn Hưng	24	50	7.0	Bảy	
27	Lê Thị Thu Hương	25	71	7.0	Bảy	
28	Nguyễn Thu Hương	26	64	7.5	Bảy rưỡi	
29	Lê Thu Hường	27	56	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28	54	7.5	Bảy rưỡi	
31	Trần Thị Thu Huyền	29	12	8.0	Tám	
32	Nguyễn Hải Huyền	30	13	8.0	Tám	
33	Nguyễn Năng Khánh	31	43	7.5	Bảy rưỡi	
34	Tô Đức Khôi	32	52	7.0	Bảy	
35	Phạm Hồng Kiên	33	66	7.0	Bảy	
36	Đặng Ngọc Lâm	34	51	7.0	Bảy	
37	Hoàng Đức Linh	35	68	7.0	Bảy	
38	Nguyễn Hoàng Linh	36	53	7.0	Bảy	
39	Trần Bảo Linh	37	26	8.0	Tám	
40	Dương Thúy Liễu	38	17	7.5	Bảy rưỡi	
41	Nguyễn Thị Tú Loan	39	49	7.0	Bảy	
42	Vũ Đình Minh	40	62	7.5	Bảy rưỡi	
43	Đặng Thị Kiều Nga	41	33	7.5	Bảy rưỡi	
44	Nông Trọng Nghĩa	42	31	7.0	Bảy	
45	Phạm Trung Nghĩa	43	25	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Nội	44	23	8.0	Tám	
47	Nguyễn Đăng Phong	45	07	7.5	Bảy rưỡi	
48	Dương Văn Phú	46	67	7.0	Bảy	
49	Lê Văn Phước	47	55	7.0	Bảy	
50	Nguyễn Văn Quang	48	02	7.5	Bảy rưỡi	
51	Hoàng Hữu Quý	49	65	7.5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Thái Nhị Quỳnh	50	42	7.5	Bảy rưỡi	
53	Lưu Thị Sa	51	16	7.0	Bảy	
54	Lương Đức San	52	22	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
55	Lê Thị Sen	53	14	7.5	Bảy rưỡi	
56	Dương Văn Sỏi	54	09	8.0	Tám	
57	Lê Thị Kim Thành	55	10	7.5	Bảy rưỡi	
58	Nguyễn Thị Thu Thảo	56	57	7.5	Bảy rưỡi	
59	Ngô Thượng Thiện	57	37	7.0	Bảy	
60	Lê Đức Thìn	58	75	7.0	Bảy	
61	Phùng Thị Thủy	59	27	7.5	Bảy rưỡi	
62	Hoàng Thị Thanh Thủy	60	20	8.0	Tám	
63	Trương Kim Thuyên	61	21	8.0	Tám	
64	Đào Văn Thuyên	62	03	7.5	Bảy rưỡi	
65	Đặng Ngọc Thư	63	44	8.0	Tám	
66	Đào Anh Tiến	64	40	7.5	Bảy rưỡi	
67	Hoàng Thanh Trà	65	38	7.5	Bảy rưỡi	
68	Nguyễn Như Trang	66	24	7.5	Bảy rưỡi	
69	Lê Hải Triều	67	08	7.5	Bảy rưỡi	
70	Luân Sỹ Tùng	68	29	7.0	Bảy	
71	Phạm Vũ Hậu	69	45	7.5	Bảy rưỡi	
72	Phan Anh	70	74	7.0	Bảy	
73	Dương Mạnh Lương	71	73	7.0	Bảy	
74	Nguyễn Văn Đào	72	48	7.5	Bảy rưỡi	
75	Trần Thị Hải Yến	73	15	8.0	Tám	
76	Vũ Thị Thơm	74	30	7.5	Bảy rưỡi	Chuyển từ K13TP
77	Bùi Thị Khánh Ny	75	01	7.0	Bảy	P.1.1-K9 Đồng Hỷ



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên